TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày: 09-01-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
- Bà Trần Thị Sẩm
- Bà Lê Thị Thu Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam*, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2023/TLST-DS, ngày 19/10/2023, về việc*"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 493/2023/QĐXX – ST, ngày 06/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú: ấp Đ, xã Đ1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1996. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Phan Thanh T, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị Mộng H, sinh năm 1983. Cùng địa chỉ cư trú: ấp Đ, xã Đ1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Bà C có mặt, ông T và bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2023 của nguyên đơn ông Lê Hữu T, lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa của bà Huỳnh Thị Kim C có nội dung:

Ông Lê Hữu T yêu cầu ông Phan Thanh T và bà Nguyễn Thị Mộng H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ mua bán tài sản (thức ăn chăn nuôi) còn thiếu là:

- Tiền nợ gốc: 425.761.200 đồng.
- Tiền lãi chậm trả: Không yêu cầu.

Lý do yêu cầu: Khoảng từ năm 2015, ông T có thỏa thuận cho bán thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông T, bà H để chăn nuôi heo. Việc mua bán không làm hợp đồng mà ghi sổ theo dõi, mỗi bên giữ 01 sổ. Thỏa thuận mỗi đợt xuất chuồng heo (khoảng 04 tháng) thì thanh toán tiền nợ 01 lần. Đến ngày 28/4/2023, hai bên ngưng giao dịch và chốt sổ số tiền thức ăn còn nợ là 425.761.500 đồng, giấy xác nhận công nợ do ông T đại diện ký. Sau đó, có thỏa thuận cho trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng không thực hiện nữa nên ông Trí khởi kiện. Nay không đồng ý cho trả dần, để đến giai đoạn thi hành án xem xét nội dung này.

- Bị đơn ông Phan Thanh T trình bày tại Bản khai ngày 16/11/2023:

Ông và vợ là bà Nguyễn Thị Mộng H thời gian ngày 01/01/2016 có mua thức ăn chăn nuôi của ông Lê Hữu T. Do chăn nuôi bị dịch bệnh và thua lỗ nên còn nợ lại ông Trí số tiền 425.761.200 đồng. Ông có đến nhà ông Trí xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng không trả được do hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn. Bà H đã bỏ nhà đi. Nay đề nghị Tòa án xem xét cho trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng vào ngày 10 (dương lịch) hàng tháng để ông vượt qua khó khăn, trả hết số nợ.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng H vắng mặt theo giấy triệu tập nên không có bản khai, không lấy lời khai được nên không có lời trình bày.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Đại diện nguyên đơn có mặt. Riêng bị đơn vắng mặt không có đơn xin vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trí, buộc ông T và bà H liên đới trả tiền mua bán tài sản còn thiếu là 425.761.200 đồng. Ông Trí không yêu cầu tính lãi chậm trả đến thời điểm xét xử, không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của ông Lê Hữu T, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"; trong đó xác định ông Lê Hữu T là nguyên đơn (Do bà Huỳnh Thị Kim C đại diện theo ủy quyền); Ông Phan Thanh T và bà Nguyễn Thị Mộng H là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của ông Phan Thanh T và bà Nguyễn Thị Mộng H tại phiên tòa, đã triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không có đơn xin vắng nên xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Về số tiền mua bán tài sản 425.761.200 đồng mà ông Lê Hữu T yêu cầu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông T cũng thừa nhận giữa ông Trí và vợ chồng ông T, bà H có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi, trong đó bên mua là vợ chồng ông T và bên bán là ông Trí; thống nhất vợ chồng ông T, bà H còn nợ ông Trí là 425.761.200 đồng, thừa nhận nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là sự thật, được thừa nhận nên ông Trí không cần phải chứng minh.

Thấy rằng việc chăn nuôi là làm kinh tế chung của vợ chồng, được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T và bà H nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông T và bà H liên đới trả tiền còn thiếu cho ông Trí là phù hợp với quy định tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về số tiền lãi chậm trả đến thời điểm xét xử, ông Lê Hữu T không yêu cầu, không xem xét, giải quyết.

2.3. Đối với việc ông T đề nghị xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Yêu cầu trả dần là nội dung liên quan đến thời gian và cách thức thi hành án của người phải thi hành án đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả cho người được thi hành án, nội dung này thuộc giai đoạn thi hành án. Khi tiến hành hòa giải, phía ông T và bà H không đến nên không thể cho các bên thỏa thuận, phải đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, phía người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm không đồng ý cho trả dần, cho rằng sẽ đề nghị xem xét trong quá trình thi hành án. Phía ông T và bà H vắng mặt tại phiên tòa nên không có cơ sở để ghi nhận nội dung này trong bản án. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn liên đới trả số tiền còn thiếu, còn về thời gian và phương thức trả tiền sẽ được xem xét, giải quyết trong quá trình thi hành án, thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Các đương sự không có yêu cầu khác nên không xem xét, giải quyết.

Ông T, bà H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu T về việc yêu cầu ông Phan Thanh T, bà Nguyễn Thị Mộng H liên đới trả tiền mua bán tài sản còn thiếu.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc ông Phan Thanh T, bà Nguyễn Thị Mộng H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Hữu T tổng số tiền mua bán tài sản còn thiếu là: 425.761.200 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn hai trăm đồng).

Không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (đối với nghĩa vụ trả tiền): 21.030.000 đồng (Hai mươi một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng), ông Phan Thanh T, bà Nguyễn Thị Mộng H có nghĩa vụ liên đới chịu.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 10.515.230 đồng (Mười triệu năm trăm mười lăm nghìn hai trăm ba mươi đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001265 ngày 18/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam cho ông Lê Hữu T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi người đó cư trú để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- THA huyện Mỏ Cày Nam;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).